TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC S **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST- DS	*Sầm Sơn, ngày 28 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC S, TỈNH T

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị P

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Ngọc T, ông Nguyễn Viết M.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 217, 218, 219, 235 và 246, khoản 2 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 8 điều 26 nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 UBTVQH14, quy định về án phí lệ phí toà án.
- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023;
- Sau khi xem xét đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền góp vốn 4.051.000.000 đồng đề ngày 28/7/2025 của nguyên đơn chị Văn Thị X và người đại diện theo ủy quyền chị Trịnh Thị T.

XÉT THẤY:

- Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Nguyên đơn chị Văn Thị X và người đại diện theo ủy quyền chị Trịnh Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 4.051.000.000 đồng trong đơn khởi kiện mà chị X và chị L thống nhất đó là khoản tiền góp vốn mà hai bên đã thỏa thuận tại hai văn bản ngày 23/7/2022, biên bản cam kết làm việc, ngày 7/7/2023 và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Văn Thị X - SN 1986

Địa chỉ: Thôn Hải Trạch 2, xã Thọ Diên, huyện T, tỉnh T.

Nay là: Thôn Hải trạch, xã X, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L - SN 1984
Địa chỉ: LK 19, TDP Khánh Sơn, phường Bắc Sơn, thành phố S, tỉnh T
Nay là: LK 19, TDP Khánh Sơn, phường S, tỉnh T.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Văn phòng luật sư Lê Quốc Hiền
Địa chỉ: 49, Hạc Thành, phường B, TP T.
Nay là: Số 49 đường Hạc Thành, phường H, tỉnh T.
Theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023.
Người được phân công thực hiện việc ủy quyền: Luật sư Trịnh Thị T.
2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn chị Văn Thị X, người đại diện theo ủy quyền chị Trịnh Thị T và bị đơn chị Nguyễn Thị L thống nhất chị L còn nợ chị X số tiền 565.000.000 đồng (Trong đó có 200.000.000 đồng là tiền chị L vay chị X và 365.000.000 đồng là tiền chị X trả lại tiền đặt cọc cho khách hàng thay chị L). Chị L phải trả cho chị X số tiền 565.000.000 đồng. Án có hiệu lực pháp luật và chị X có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị L không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì chị L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành, theo quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự.
2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền và bị đơn thỏa thuận chị Nguyễn Thị L nộp 26.600.000 đồng; Nguyên đơn chị Văn Thị X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013735 ngày 26/9/2023 Tại chi cục thi hành án dân sự thành phố s. (Nay là phòng thi hành án dân sự số S, tỉnh T).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền 4.051.000.000 đồng trong đơn khởi kiện mà chị X và chị ệ thống nhất đó là khoản tiền góp vốn mà hai bên đã thỏa thuận tại hai văn bản ngày 23/7/2022, biên bản cam kết làm việc, ngày 7/7/2023 và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật - Do nguyên đơn và người đại diện tự nguyện rút yêu cầu. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại đối với nội dung rút

yêu cầu, theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Đối với nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại mục 1, mục 2 của quyết định này, có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.2. Đối với nội dung đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của quyết định này, đương sự có quyền kháng cáo, viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày công bố quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 4;
- Phòng THADS KV 4;
- Phòng GĐKT tòa án Tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phong